

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 21/7/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST- DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Trụ sở chính: phố L, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Th - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gio Linh (theo quyết định ủy quyền số 103/QĐ-NHCS, ngày 12/10/2020) - là người đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn B, xã Tr, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/10/2020 , các văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Thực hiện chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo, Ngân hàng C đã cho hộ chị Bùi Thị T (gồm có 2 thành viên là chị Bùi Thị T và anh Trần Xuân Ph) vay, cụ thể là món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016, số tiền 20.000.000 đồng,

thời hạn cho vay 48 tháng, với lãi suất 0.6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn và hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/5/2020. Trong thời gian sử dụng vốn vay hộ chị Bùi Thị T không chấp hành trả nợ gốc và lãi đầy đủ theo cam kết. Ngày 16/10/2019, Ngân hàng chính sách đã có biên bản làm việc với chị Bùi Thị T, anh Trần Xuân Ph, theo đó anh Ph và chị T thỏa thuận mỗi người trả 10.000.000đồng cho món vay món số 6600000707359809 ngày 15/5/2016. Ngày 15/5/2020, anh Trần Xuân Ph thanh toán Ngân hàng C số tiền 10.000.000 đồng theo thỏa thuận; số tiền 10.000.000 đồng chưa thanh toán món vay này sang nợ quá hạn. Mặc dù UBND xã Tr, Hội nông dân xã Tr, Ngân hàng C đã đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng chị Bùi Thị T vẫn không chịu trả. Vì vậy, Ngân hàng C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Bùi Thị T trả cho Ngân hàng C huyện Gio Linh 10.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tiền lãi đến ngày xét xử 21/7/2021 là 1.391.000đ, trong đó lãi suất trong hạn là 104.000đồng và lãi suất quá hạn là 1.287.000đ (Lãi suất quá hạn tính từ ngày 16/5/2020 đến ngày xét xử). Chị Bùi Thị T còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi tất toán khoản vay cho Ngân hàng C

Về phía bị đơn: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 43/2020/TLST-DS ngày 11/12/2020 nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, cũng như yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Bùi Thị T đều vắng mặt không lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được.

Anh Trần Xuân Ph trình bày: Anh Ph và chị Bùi Thị T sống chung với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn nhưng có chung sổ hộ khẩu. Anh Ph và chị T có vay Ngân hàng C số tiền 32.000.000 đồng cho 2 món vay, trong đó có món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 16/10/2019, anh Ph và chị T thỏa thuận mỗi người trả 16.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh cho hai món vay. Anh Ph đã trả 16.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng C huyện Gio Linh trong đó có 10.000.000 đồng của món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016. Nay anh Ph và chị T không còn sống chung với nhau nên khoản tiền chị Bùi Thị T nợ ngân hàng đối với món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 anh Ph không liên quan.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3, Điều 26 BLTTDS; khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Điều 463, 466 BLDS 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Bùi Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng C tổng

số tiền là 11.391.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.391.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử. Chị T còn phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi tất toán khoản vay cho Ngân hàng C

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Bùi Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ cư trú của chị Bùi Thị T tại địa chỉ trong hợp đồng tín dụng thôn B, xã Trung Sơn huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, vì điều kiện cuộc sống, chị T đi làm ăn, đi đi về về tại nhà không rõ thời điểm trở về nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Bùi Thị T. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại các phiên hoà giải, chị T đều vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa lần thứ nhất ngày 02/7/2021 chị T vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của anh Trần Xuân Ph :

Trong quá trình giải quyết vụ án, khi xem xét các tài liệu chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp , xét thấy có văn bản ủy quyền của anh Trần Xuân Ph cho chị Bùi Thị T thực hiện ký kết với Ngân hàng C thực hiện món vay món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 và biên bản làm việc ngày 16/10/2019 giữa C với anh Trần Xuân Ph và chị Bùi Thị T. Để làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , Tòa án đã đưa anh Trần Xuân Ph vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình tham gia tố tụng, anh Trần Xuân Ph đã có văn bản trình bày cụ thể về quyền, nghĩa vụ của mình đối với món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016. Theo đó anh Ph đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng cho món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 theo thỏa thuận được lập tại biên bản làm việc ngày 16/10/2019 là trả đủ số tiền 10.000.000 đồng. Phía Ngân hàng C thống nhất thực hiện theo thỏa thuận các bên đã lập. Khoản tiền vay còn lại 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 Ngân hàng chỉ yêu cầu chị Bùi Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy quyền và nghĩa vụ của anh Trần Xuân Ph đối với món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 không

còn nên Hội đồng xét xử đưa anh Trần Xuân Ph ra khỏi tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

Hộ chị Bùi Thị T đã vay Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đối với món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016, với lãi suất 0.6875%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn và thời hạn thanh toán là ngày 15/5/2020. Món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 là món vay của hộ, anh Trần Xuân Ph và chị Bùi Thị T cùng chung hộ khẩu nhưng không đăng ký kết hôn; ngày 08/8/2017, anh Ph có ủy quyền cho chị T đứng tên người vay, thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C và chị T là người trực tiếp ký vay khoản vay này. Quá trình thực hiện việc thanh toán cho món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016, anh Ph và chị T thỏa thuận chia đôi số nợ tại biên bản làm việc ngày 16/10/2019, biên bản này có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tr và cán bộ Ngân hàng C Hiện nay anh Ph và chị T không sống chung với nhau và đã có thỏa thuận chia đôi trách nhiệm trả nợ nên anh Ph đã thực hiện xong phần trách nhiệm của mình đó là đã trả đủ 10.000.000 triệu đồng của món vay số 6600000707359809 vào ngày 15/5/2016 cho Ngân hàng C. Vì vậy, khoản tiền gốc 10.000.000 đồng và lãi phát sinh của món vay số 6600000707359809 ngày 15/5/2016 thuộc trách nhiệm thanh toán của chị Bùi Thị T với Ngân hàng C Khi đến thời hạn thanh toán được thỏa thuận trong hồ sơ cho vay nhưng chị Bùi Thị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp và gây thiệt hại đối với nguyên đơn. Vì vậy, cần khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử 1.391.000 đ ; trong đó lãi suất trong hạn 104.000đ, lãi suất quá hạn 130% lãi suất trong hạn (0.89375%/tháng) tính từ ngày 16/5/2020 là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ; Các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng, xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Bùi Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng C tổng số tiền là 11.391.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.391.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 21/7/2021(lãi trong hạn là 104.000 đồng và lãi quá hạn là 1.287.000đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bùi Thị T phải chịu 569.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Oanh

